

Biểu mẫu 01

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON NAM HẢI

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Biết tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn. - 90->95% trẻ đạt sức khỏe loại 1 - 5->10% trẻ đạt sức khỏe loại 2 - Không có trẻ đạt sức khỏe loại 3. * Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 620 -> 645 Kcalo/ngày. *Cân nặng: + Kênh bình thường: 97% - >98%. + Kênh suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm dưới: 3%. * Chiều cao: + Kênh bình thường: 98->99% + Kênh thấp còi: dưới 2% + Trẻ thừa cân béo phì giảm: 9%	- Khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn cho bản thân. - 85-90% trẻ đạt sức khỏe loại 1 - 10->15% trẻ đạt sức khỏe loại 2. - Không có trẻ đạt sức khỏe loại 3. *Khẩu phần dinh dưỡng đạt: 680- >720 Kcalo/ngày. *Cân nặng: + Kênh bình thường: 97,7%; + Kênh suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm dưới: 1,8%. *Chiều cao: + Kênh bình thường: 98->99% + Kênh thấp còi: dưới 2% + Trẻ thừa cân béo phì giảm: 9%



STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	* Thực hiện chương trình giáo dục Mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT với các nội dung chủ điểm: 1. Bé và các bạn 2. Đồ chơi của bé 3. Các cô bác trong trường MN 4. Mẹ và những người thân yêu 5. Phương tiện giao thông 6. Tết và Mùa xuân 7. Cây và những bông hoa đẹp 8. Những con vật đáng yêu 9. Mùa hè với bé 10. Bé lên mẫu giáo	* Thực hiện chương trình giáo dục Mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT với các nội dung chủ điểm: 1. Trường mầm non 2. Bản thân 3. Gia đình 4. Nghề nghiệp 5. Động vật 6. Mùa xuân 7. Thực vật 8. Phương tiện giao thông 9. Tài nguyên thiên nhiên 10. Quê hương, Bác Hồ-Trường tiểu học.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* Tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán và xếp hình. Xếp loại đạt: 85%	* Tình cảm kỹ năng xã hội - Có ý thức về bản thân - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người sự vật, hiện tượng xung quanh - Có một số phẩm chất: mạnh dạn, tự tin, tự lực - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi Xếp loại đạt: 91- 98%
		* Thể chất: - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhẹ nhàng, khéo léo, thăng bằng cơ thể)	* Thể chất: - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, bền bỉ - Thực hiện các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế - Có khả năng phối hợp các giác

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân - Xếp loại đạt: 94%	quan và vận động: vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian - Có kỹ năng một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân - Xếp loại đạt: 84-99 %
		* Nhận thức - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh - Có sự nhạy cảm của giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. - Xếp loại đạt: 82%	* Nhận thức - Ham hiểu biết thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. - Xếp loại đạt: 93-98%



STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		* Ngôn ngữ - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói - Hồn nhiên trong giao tiếp. - Xếp loại đạt: 86%	* Ngôn ngữ - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói giao tiếp hằng ngày - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết - Xếp loại đạt: 92-98%
			* Thẩm mỹ - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình - Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật. - Xếp loại đạt: 94%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Tổ chức cho trẻ tham gia Ngày hội ngày lễ: Ngày hội đến trường của bé, Ngày hội Bé vui tết trung thu, Bé làm chiến sĩ, Bé vui tết trung thu. - Tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh. - Tổ chức cho trẻ tham gia trải nghiệm.	

Nam Hải, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Ngô Thị Thu hường

Biểu mẫu 03

**UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON NAM HẢI**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2022-2023**

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	8	
2	Phòng học bán kiên cố	3	
3	Phòng học tạm	2	
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.053	10.2 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.500	3.8 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		4,5 m ² /trẻ em
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	661	1.6 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	591	1.5 m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	227	0.5 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	342.5	0,8 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	380	0,31 m ² /trẻ em
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	100	0,31 m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	100	0,9 m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	13	Số bộ 13/13 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	13/13
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VII I	Tổng số đồ chơi ngoài trời	8/1	Số bộ/sân chơi (trường)



IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		
1	Máy tính	21	
2	Máy in	15	
3	Ti vi (chiếc)	01	
4	Điều hòa	19	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Nhạc cụ (Đàn organ)	2	
2	Đầu thu phát camera (bộ)	02	
3	Đồ chơi ngoài trời (bộ)	08	
4	Bàn đúng quy cách	164	
5	Ghế đúng quy cách	420	
6	Tủ ca cốc	12	
7	Tủ đồ dùng cá nhân trẻ	12	
8	Giá góc	107	
9	Bạt che nắng	19	
10	Bồn rửa tay di động	1	
11	Bộ leo núi Kim tự tháp	1	
12	Bộ liên hoàn mini thang leo	1	
13	Bộ leo chèo vôn động thang bằng nhựa	1	
14	Bộ thể chất bằng gỗ	1	
15	Khu thư viện đọc sách nghỉ ngơi sáng tạo	1	
16	Bộ đèn tín hiệu giao thông	1	

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20		227		0,6
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XIII	Kết nối internet	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Nam Hải, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Ngô Thị Thu Hường



Biểu mẫu 02

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON HẢI

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế năm học 2022- 2023

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	399	79	85	105	130
1	Số trẻ em nhóm ghép					
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày					
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	399	79	85	105	130
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập					
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	399	79	85	105	130
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	399	79	85	105	130
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	399	79	85	105	130
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	399	79	85	105	130
1	Số trẻ cân nặng bình thường	389	75	83	103	129
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	6	1	2	2	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	389	75	83	103	129
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1	1			
5	Số trẻ thừa cân béo phì	21		2	7	13
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	399	79	85	105	130
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	79	79			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	320		85	105	130

Nam Hải, ngày 15 tháng 06 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Thu Hương

Biểu mẫu 04

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON NAM HẢI

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	SX	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	44			25	8	1	3	12	2	15	20	1		
I	Giáo viên	28			27	1			8	4	16	28			
1	Nhà trẻ	5			5				3	1	1	5			
2	Mẫu giáo	23			22	1			5	3	15	23			
II	Cán bộ quản lý	3			3						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	Nhân viên	13			1	8	1	3							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán (văn thư)	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên nấu ăn	8				8									
	Lao công bảo vệ	3						3							

Nam Hải, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Ngô Thị Thu Hương